N.T. M. Ngọc

Chương 8: Tương quan và hồi quy

Nguyễn Thị Mộng Ngọc University of Science, VNU - HCM ngtmngoc@hcmus.edu.vn

XSTK

N.T. M. Ngoc

1. Giới thiệu

2. Mô hình hồi quy tuyến

2.1 Mo ninn noi qu tuyến tính đơn

số hồi quy 2.3 Đô đo sư biến

thiên của dữ liệu 2.4 Hệ số xác địn

2.5 Tính chất củ

3. Khoảng ti cậy cho mô

3. 1 Khoảng tin c cho hệ số hồi quy

3.2 Khoang tin cay cho trung bình biến đáp ứng

3.3 Dự đoán giá t quan trắc mới

4. Kiểm định giả thuyết ch mô hình hồi quy

4.1 Kiểm định gi thuyết cho β₀

Phân tích hồi quy

- Phân tích hồi quy được sử dụng đế xác định mối liên hệ giữa:
 - một biến phụ thuộc Y (biến đáp ứng), và
 - một hay nhiều biến độc lập X_1, X_2, \ldots, X_p ; các biến này còn được gọi là biến giải thích.
 - Biến phụ thuộc Y phải là biến liên tục,
 - Các biến độc lập X_1, X_2, \ldots, X_p có thể là biến liên tục, rời rạc hoặc phân loại.

XSTK

N.T. M. Ngoc

1. Giới thiệu

2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
 2.2 Ước lượng các hệ
- số hỗi quy 2.3 Độ đo sự biến thiên của dữ liệu
- Uốc lượng phương sai σ² của sai số

 2.5 Tính chất của
- 3. Khoảng tin cậy cho mô bình bỗi guy
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biển đáp ứng
 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4. Kiểm định giả thuyết ch mô hình hồi
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Phân tích hồi quy

Bài toán: trong các hoạt động về khoa học - kỹ thuật, kinh tế, xã hội, . . . ta có nhu cầu xác định mối liên giữa hai hay nhiều biến ngẫu nhiên với nhau. Ví du:

- Mối liên hệ giữa chiều cao và cỡ giầy của một người, từ đó một cửa hàng bán giầy dép có thể xác định chính xác cỡ giầy của một khách hàng khi biết chiều cao,
- Độ giãn nở của một loại vật liệu theo nhiệt độ môi trường,
- Doanh thu khi bán 1 loại sản phẩm và số tiền chi cho quảng cáo và khuyến mãi,
- ...

Để giải quyết các vấn đề trên, ta sử dụng kỹ thuật phân tích hồi quy (Regression Analysis).

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

1. Giới thiệu

2. Mô hình hồi quy tuyến

2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

2.3 Độ đo sự biến thiên của dữ liệu 2.4 Hệ số xác định

sai σ² của sai sô

2.5 Tính chất của
các ước lương BPB

cậy cho mô hình hồi quy

3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hỗi quy
3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến đáp ứng
3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới

 Kiểm định giả thuyết ch mô hình hồi quy

4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

5. Phân tích

Phân tích hồi quy

- Mối liên hệ giữa X₁,..., X_p và Y được biểu diễn bởi một hàm tuyến tính.
- Sự thay đổi trong Y được giả sử do những thay đổi trong X_1, \ldots, X_n gây ra.
- Trên cơ sở xác định mối liên hệ giữa biến phụ thuộc Y và các biến giải thích X_1, X_2, \ldots, X_p , ta có thể:
 - dư đoán, dư báo giá tri của Y,
 - giải thích tác động của sự thay đổi trong các biến giải thích lên biến phụ thuộc.

N.T. M. Ngoc

2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- đáp ứng

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

5. Phân tích

Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

Dinh nghĩa

Một mô hình hồi quy tuyến tính đơn liên quan đến một biến ngẫu nhiên Y và một biến giải thích x là phương trình:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 x + Varepsilon \tag{1}$$

trong đó,

- β_0 và β_1 là các tham số chưa biết (được gọi lần lượt là hệ số chăn (intercept) và hê số góc (slope) của đường thẳng hồi quy);
- Y là biến phu thuộc và x là biến độc lập;
- Varepsilon là thành phần sai số, Varepsilon được giả sử có phân phối chuẩn $\mathcal{N}(0, \sigma^2)$.

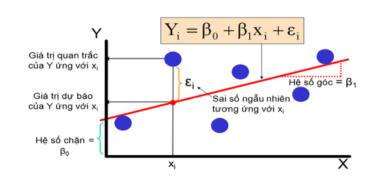
Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

Từ mẫu ngẫu nhiên $((X_1, Y_1), ..., (X_n, Y_n))$ ta có n cặp giá trị quan trắc $(x_1, y_1), ..., (x_n, y_n)$. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn của mẫu là

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 x_i + Varepsilon_i$$
, với $i = 1, 2, ..., n$ (2)

trong đó, (*Varepsilon_i*) i.i.d. $\sim \mathcal{N}(0, \sigma^2)$.

Đồ thi phân tán của n cặp giá tri quan sát (x_i, y_i) , i = 1, 2, ..., n.



XSTK

N.T. M. Ngoc

2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

Trong mô hình (1), sư thay đổi của Y được sử dung bởi:

• Mối liên hệ tuyến tính của X và Y: $\beta_0 + \beta_1 x$;

Các giả định về sai số ngẫu nhiên

• Các sai số có phân phối chuẩn: $Varepsilon_i \sim \mathcal{N}(0, \sigma^2)$

 $\mathbb{E}(Y|X) = \beta_0 + \beta_1 X$

• Các sai số ngẫu nhiên *Varepsilon*; trong mô hình (2)

• $\mathbb{E}(Varepsilon_i) = 0$ và $\mathbb{V}ar(Varepsilon_i) = \sigma^2$,

• Các sai số Varepsilon; độc lập với nhau,

được giả sử thỏa các điều kiên sau:

và có phương sai không đổi.

Với quan trắc x đã biết,

• Từ (3) ta có

 Tác đông của các vếu tố khác (không phải X): thành phân sai số Varepsilon.

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0

$Y \sim \mathcal{N}(\beta_0 + \beta_1 x, \sigma^2)$ (4)

(3)

N.T. M. Ngoc

- 1 Ciái thiậu
- Mô hình
 hồi quy tuyến
 tính đơn
- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

2.2 Ước lượng các hệ số hồi quy

- 2.3 Độ đo sự biến
- thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương
- 2.5 Tính chất của
- 3. Khoảng t cậy cho mô
- 3. 1 Khoảng tin (
- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biế
- 3.3 Dự đoán giá t quan trắc mới
- 4. Kiểm định giả thuyết ch mô hình hồi quy
- 4.1 Kiểm định g
- 4.2 Kiểm định thuyết cho β₁

Ước lương các hệ số hồi quy

- Gọi $\hat{\beta}_1$ và $\hat{\beta}_0$ là các ước lượng của β_0 và β_1 .
- Đường thẳng hồi quy với các hệ số ước lượng (fitted regression line):

$$\hat{Y} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x \tag{5}$$

- Một đường thẳng ước lượng tốt phải "gần với các điểm dữ liệu".
- Tìm $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$: dùng phương pháp bình phương bé nhất (method of least squares).

Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 1 Ciái +biá
- 2. Mô hình hồi quy tuyế tính đơn
- 2.1 Mô hình hồi qư tuyến tính đơn

2.2 Ước lượng các hệ số hồi quy

- 2.3 Độ đo sự biể
- 2.4 Hệ số xác địn
- sai σ² của sai số
- 2.5 Tính chất của các ước lương BPE
- 3. Khoảng ti cậy cho mô hình hồi guy
- 1 Khoảng tin cho hệ số hồi qu
- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biết đáp ứng
- 4. Kiểm định giả thuyết ch
- quy
 4.1 Kiểm định g
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0

5. Phân tích

Ước lượng bình phương bé nhất

Từ (7), lấy đạo hàm theo β_0 và β_1 và giải hệ phương trình , ta tìm được các ước lượng BPBN của β_0 và β_1 là

$$\hat{\beta}_{1} = \frac{\sum_{i=1}^{n} x_{i} y_{i} - \frac{\left(\sum_{i=1}^{n} x_{i}\right) \left(\sum_{i=1}^{n} y_{i}\right)}{n}}{\sum_{i=1}^{n} x_{i}^{2} - \frac{\left(\sum_{i=1}^{n} x_{i}\right)^{2}}{n}} = \frac{S_{xy}}{S_{xx}}$$
(8)

$$\hat{\beta}_0 = \bar{y} - \hat{\beta}_1 \bar{x} \tag{9}$$

với S_{xx} và S_{xy} xác định bởi

$$S_{xx} = \sum_{i=1}^{n} (x_i - \bar{x})^2 = \sum_{i=1}^{n} x_i^2 - \frac{\left(\sum_{i=1}^{n} x_i\right)^2}{n}$$
 (10)

$$S_{xy} = \sum_{i=1}^{n} (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y}) = \sum_{i=1}^{n} x_i y_i - \frac{\left(\sum_{i=1}^{n} x_i\right) \left(\sum_{i=1}^{n} y_i\right)}{n}$$
 (11)

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 1 Ciái thiậu
- 2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

2.2 Ước lượng các hệ số hồi quy

- 2.3 Độ đo sự biến
- 2.4 Hệ số xác địn
- Ước lượng phương
- 2.5 Tính chất của
- 3. Khoảng ti cậy cho mô
- 3. 1 Khoảng tin c cho hệ số hồi quy

 3.2 Khoảng tin cậ
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4. Kiểm định giả thuyết ch mô hình hồi
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho eta_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1 5. Phân tích

Phương pháp bình phương bé nhất (PPBPBN)

Với dữ liệu $(x_i, y_i), i = 1, \dots, n$, ta có

$$\hat{y}_i = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_i$$

Ta định nghĩa thặng dư (residual) thứ i:

ước lương BPBN.

đat giá tri bé nhất,

(1)

(2)

$$e_i = y_i - \hat{y}_i = y_i - (\hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_i)$$
 (6)

Tổng bình phương sai số (Sum of Squares for Errors - SSE) hay tổng bình phương thặng dư cho n điểm dữ liệu được định nghĩa như sau

$$SSE = \sum_{i=1}^{n} e_i^2 = \sum_{i=1}^{n} \left[y_i - (\hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_i) \right]^2$$
 (7)

Nội dung của PPBPBN là tìm các ước lượng $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ sao cho SSE đạt giá trị bé nhất.

Ước lương bình phương bé nhất

 $SSE = \sum_{i=1}^{n} (y_i - \hat{y}_i)^2$

 $SE = \sum_{i=1}^{n} (y_i - \hat{y}_i) = \sum_{i=1}^{n} e_i = 0$

• Các ước lương $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ tìm được gọi là các

• Đường thẳng $\hat{\mathbf{v}} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 \mathbf{x}$ gọi là đường

thẳng BPBN, thỏa các tính chất sau:

với SE là tổng các thăng dư (Sum of Errors).

thặng dư

XSTK

- 2. Mô hình hồi quy tuyến
- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Độ đo sự biến thiên của dữ liêu
- 2.4 Hệ số xác định Lớc lượng phương
- Uớc lượng phương sai σ² của sai số
- 3. Khoảng tin cậy chọ mô
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hổi quy
- 3.2 Khoang tin cạy cho trung bình biến đáp ứng
 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4. Kiểm định giả thuyết cho mô hình hồi
- 4.1 Kiểm định gi thuyết cho β₀
 - già
- 5. Phân tích

N.T. M. Ngoc

- tuyến tính đơn

2.2 Ước lượng các hệ

- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 4. Kiểm định
- thuyết cho Bo

Ví du:

Chi phí (triệu đồng) nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) và doanh số (tỉ đồng) của 10 công ty trong ngành công nghiệp như sau:

Công ty	Α	В	С	D	E	G	Н	L	М	N
R&D	280	300	250	400	500	150	600	300	200	250
Doanh số	8	5	4	12	20	3	18	6	4	5

Tìm phương trình đường thẳng hồi quy biểu diễn mối liên hê giữa chi phí (X) và doanh số (Y). Giải thích ý nghĩa của hê số góc.

5. Phân tích thăng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương
- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

Giải:

•
$$\bar{x} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^{n} x_i = \frac{3230}{10} = 323$$
; • $\bar{y} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^{n} y_i = \frac{85}{10} = 8, 5.$

•
$$\sum_{i=1}^{n} x_i y_i = 34640 \text{ và } \bullet \sum_{i=1}^{n} x_i^2 = 1215900.$$

•
$$\hat{\beta}_1 = \frac{\sum_{i=1}^n x_i y_i - n\bar{x}\bar{y}}{\sum_{i=1}^n x_i^2 - n(\bar{x})^2} = \frac{34640 - 10 * 323 * 8, 5}{1215900 - 10 * (323)^2} = 0,0416.$$

•
$$\hat{\beta}_0 = \bar{y} - \hat{\beta}_1 \bar{x} = 8, 5 - 0,0416 * 323 = -4,9368.$$

Như vậy, phương trình đường thẳng hồi quy biểu diễn mối liên hê giữa chi phí (X) và doanh số (Y) là $\hat{Y} = -4,9368 + 0,0416X$. Với hê số góc $\hat{\beta}_1 = 0,0416$ (hệ số góc dương) nên ta có thể nói rằng khi chi phí R&D tăng 1 triệu đồng thì doanh số tăng 0,0416 tỉ đồng.

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Giải:

Giả sử, chi phí (triệu đồng) nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) và doanh số (tỉ đồng) có mối liên hệ tuyến tính. Khi đó, mô hình hồi quy tuyến tính đơn thể hiện mối liên hệ tuyến tính giữa chi phí X và doanh số Y là

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X + Varepsilon.$$

Dùng phương pháp bình phương bé nhất (OLS) để ước lương β_0 và β_1 từ mẫu dữ liêu đã cho, ta có được phương trình đường thẳng hồi quy biểu diễn mối liên hê giữa chi phí (X) và doanh số (Y) như sau:

$$\hat{Y} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 X$$

trong đó, $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ được tính như sau:

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- số hồi quy 2.3 Đô đo sư biến

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

5. Phân tích

Ví du khác

Một nhà thực vật học khảo sát mối liên hệ giữa tổng diện tích bề mặt (đy: cm²) của các lá cây đâu nành và trong lương khô (đy: g) của các cây này. Nhà thực vật học trồng 13 cây trong nhà kính và đọ tổng diện tích lá và trọng lương của các cây này sau 16 ngày trồng. kết quả cho bởi bảng sau

X	411	550	471	393	427	431	492	371	470	419	407	489	439
Y	2.00	2.46	2.11	1.89	2.05	2.30	2.46	2.06	2.25	2.07	2.17	2.32	2.12

- (a) Vẽ biểu đồ phân tán biểu diễn diên tích lá X và trong lương khô Y của cây đâu nành với mẫu quan sát đã cho.
- (b) Tìm đường thẳng hồi quy biểu diễn mối liên hệ giữa trong lương cây Y theo diên tích lá X. Vẽ đường thẳng hồi quy tìm được trên đồ thị phân tán.

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Độ đo sự biến
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 4. Kiểm định
- thuyết cho β_0

Goi

• SST: Tổng bình phương toàn phần (Total Sum of Squares)

$$SST = \sum_{i=1}^{n} (y_i - \bar{y})^2$$

Đô đo sư biến thiên của dữ liêu

• SSR: Tổng bình phương hồi quy (Regression Sum of Squares)

$$SSR = \sum_{i=1}^{n} (\hat{y}_i - \bar{y})^2$$

• SSE: Tổng bình phương sai số (Error Sum of Squares)

$$SSE = \sum_{i=1}^{n} (y_i - \hat{y}_i)^2$$

5. Phân tích thặng dư

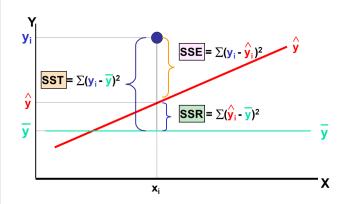
XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Độ đo sự biến
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

Đô đo sư biến thiên của dữ liêu



XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.1 Mô hình hồi quy 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Đô đo sư biến thiên của dữ liêu

- SST: đo sư biến thiên của các giá trị y_i xung quanh giá trị trung tâm của dữ liêu \bar{y} ,
- SSR: giải thích sư biến thiên liên quan đến mối quan hệ tuyến tính của X và Y.
- SSE: giải thích sự biến thiên của các nhân tố khác (không liên quan đến mối quan hệ tuyến tính của X và Y).

Ta có:

$$\sum_{i=1}^{n} (y_i - \bar{y})^2 = \sum_{i=1}^{n} (\hat{y}_i - \bar{y})^2 + \sum_{i=1}^{n} (y_i - \hat{y}_i)^2$$

$$SST = SSR + SSE$$
(12)

Hê số xác đinh

(13)

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến
- 2.4 Hê số xác đình

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0

5. Phân tích

Chú ý: $0 < R^2 < 1$.

Công thức tính:

• Hê số xác định của một mô hình hồi quy cho phép ta đánh giá mô hình tìm được có giải thích tốt cho mối liên hệ giữa biến phụ thuộc Y và biến phụ thuộc X hay không.

Hê số xác định (Coefficient of Determination) là tỷ lê của tổng sư

biến thiên trong biến phu thuộc gây ra bởi sư biến thiên của các biến

độc lập (biến giải thích) so với tổng sư biến thiên toàn phần. Hệ số

xác định thường được gọi là R - bình phương (R-squared), ký hiệu là

 $R^2 = \frac{SSR}{SST}$

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu

2.4 Hệ số xác định

- các ước lượng BPBN
- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 4. Kiểm định
- thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

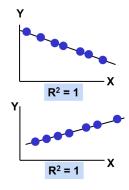
- 2.3 Đô đo sư biến

thiên của dữ liệu 2.4 Hệ số xác định

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả

Hệ số xác định và mối liên hệ giữa X và Y



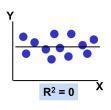
$R^2 = 1$

X và Y có mối liên hệ tuyến tính mạnh:

100% sự biến thiên của Y được giải thích bởi sự biến thiên của X

Hệ số xác định và mối liên hệ giữa

X và Y



$R^2 = 0$

Không có mối liên hệ tuyến tính giữa X và Y:

Giá tri của Y không phụ thuộc vào X. (Không có sự biến thiên nào của Y được giải thích bởi sự biến thiên của X)

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu

2.4 Hệ số xác định

- Uớc lượng phương sai σ^2 của sai số
- các ước lượng BPBN
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Hê số xác đinh và mối liên hê giữa X và Y

$0 < R^2 < 1$

X và Y có mối liên hệ tuyến tính vếu:

Một vài nhưng không phải tất cả sự biến thiên trong Y được giải thích bởi sự biến thiên trong X

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

Xét mô hình

phương sai σ^2 .

Ta có.

Nên.

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu Ước lượng phương
- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

5. Phân tích

 $\mathbb{E}\left[\frac{SSE}{\sigma^2}\right] = n - 2 \quad \text{hay} \quad \mathbb{E}\left[\frac{SSE}{n-2}\right] = \sigma^2$

Ước lương phương sai σ^2 của sai số

 $Y_i = \beta_0 + \beta_1 x_i + Varepsilon_i, i = 1, \dots, n$

Thành phần sai số thứ i: $Varepsilon_i \sim \mathcal{N}(0, \sigma^2)$. Ta cần ước lương

 $\frac{Y_i - (\beta_0 + \beta_1 x_i)}{\sigma} \sim \mathcal{N}(0, 1)$

 $\sum_{i=1}^{n} \frac{\left[Y_i - (\hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_i)\right]^2}{\sigma^2} = \frac{SSE}{\sigma^2} \sim \chi^2(n-2)$

Từ (4), ta có: $Y_i \sim \mathcal{N}(\beta_0 + \beta_1 x_i, \sigma^2)$. Do đó,

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương

- 3. 1 Khoảng tin cậ cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- 5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu
- 2.5 Tính chất của
- Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

5. Phân tích

Ước lương phương sai σ^2 của sai số

Ta kết luận rằng $\frac{SSE}{n-2}$ là một ước lượng không chệch cho σ^2 . Suy ra ước lượng $\hat{\sigma}^2$ của σ^2 được tính bởi

$$\hat{\sigma}^2 = \frac{SSE}{n-2} \tag{14}$$

Trung bình bình phương sai số (Mean Squares Error – MSE) của mô hình hồi quy tuyến tính đơn:

$$MSE = \frac{SSE}{n-2}$$

Trung bình bình phương sai số chính là ước lương không chệch cho phương sai σ^2 của thành phần sai số của mô hình.

Tính chất của các ước lương **BPBN**

Dinh lý

Xét $Y = \beta_0 + \beta_1 x + Varepsilon$ là một mô hình hồi quy tuyến tính đơn với Varepsilon $\sim \mathcal{N}(0, \sigma^2)$; với n quan trắc độc lập y_i , i = 1, ..., n ta có tương ứng các sai số $Varepsilon_i$. Goi $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ là các ước lương của β_0 và β_1 tìm được từ phương pháp bình phương bé nhất, khi đó

- (a) $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ tuân theo luât phân phối chuẩn.
- (b) Kỳ vọng và phương sai của $\hat{\beta_0}$ và $\hat{\beta_1}$ lần lươt là

$$\mathbb{E}(\hat{\beta}_0) = \beta_0, \ \mathbb{V}ar(\hat{\beta}_0) = \left(\frac{1}{n} + \frac{\bar{x}^2}{S_{xx}}\right)\sigma^2, \tag{15}$$

$$\mathbb{E}(\hat{\beta}_1) = \beta_1, \ \mathbb{V}ar(\hat{\beta}_1) = \frac{\sigma^2}{S_{xx}}$$
 (16)

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.3 Đô đo sư biểi
- thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Ước lương phương sai σ^2 của sai số

• Tim SSE:

$$SSE = SST - \hat{\beta_1}S_{xy}$$

ullet Sai số chuẩn (Standard Error) của $\hat{\sigma}^2$

$$SE(\hat{\sigma}) = \sqrt{\frac{SSE}{n-2}}$$

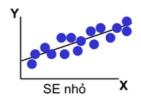
Sử dung $SE(\hat{\sigma})$ để đo sư biến thiên của các giá tri quan trắc y với đường thẳng hồi quy.

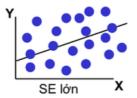
Tính chất của các ước lương

Trong mô hình hồi quy tuyến tính đơn, sai số

 $SE(\hat{eta}_0) = \sqrt{\left(\frac{1}{n} + \frac{ar{x}^2}{S_{xx}}\right)\hat{\sigma}^2}$ $SE(\hat{eta}_1) = \sqrt{\frac{\hat{\sigma}^2}{S_{xx}}}$

chuẩn (SE) của các ước lương $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ là





BPBN

(17)

(18)

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu
- Vớc lượng phương sai σ^2 của sai số
- 2.5 Tính chất của

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá tr quan trắc mới
- thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1
- 5. Phân tích

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu
- 2.5 Tính chất của các ước lượng BPBN

- thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Tính chất của các ước lương **BPBN**

Đinh lý Gauss - Markov

Xét mô hình hồi quy tuyến tính đơn

$$Y = \beta_0 + \beta_1 x + Varepsilon$$

có $\hat{\beta}_0$ và $\hat{\beta}_1$ là các ước lương BPBN cho β_0 và β_1 , khi đó $\hat{\beta_0}$ và $\hat{\beta_1}$ là các ước lương không chệch tốt nhất.

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- thiên của dữ liệu

5. Phân tích

4.2 Kiểm định giả

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hổi quy

Khoảng tin cây cho hệ số hồi quy

Đăt

$$MSE = \frac{SSE}{n-2} = \frac{1}{n-2} \sum_{i=1}^{n} \left[y_i - (\hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_i) \right]^2$$

MSE goi là trung bình bình phương sai số (Mean Square Error). Khi

$$T_{\beta_1} = \frac{\hat{\beta}_1 - \beta_1}{\sqrt{\frac{MSE}{S_{xx}}}} \tag{19}$$

 T_{β_1} có phân phối Student với n-2 bậc tự do.

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- thiên của dữ liệu

- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

• Tương tự, vì $\hat{\beta}_0 \sim \mathcal{N}\left(\beta_0, \left(\frac{1}{n} + \frac{\bar{x}^2}{S_{n}}\right)\sigma^2\right)$, đặt

 T_{β_0} có phân phối Student với n-2 bậc tự do.

• Do $\hat{\beta_0}$ và SSE độc lập nên ta có

• Do $\frac{SSE}{\sigma^2}$ độc lập với $\hat{\beta}_1$ và $\frac{SSE}{\sigma^2} \sim \chi^2(n-2)$ nên

Xét đường thẳng hồi quy:

• Vì $\hat{eta}_1 \sim \mathcal{N}\left(eta_1, rac{\sigma^2}{\mathsf{S}_{vv}}\right)$, đặt

 $T_{\beta_1} = \frac{Z_1}{\sqrt{\frac{(SSE/\sigma^2)}{2}}} \sim t(n-2)$

Khoảng tin cây cho hệ số hồi quy

 $Z_0 = rac{eta_0 - eta_0}{\sigma \sqrt{rac{1}{a} + rac{ar{x}^2}{S}}} \sim \mathcal{N}(0, 1)$

 $T_{eta_0} = rac{Z_0}{\sqrt{rac{(SSE/\sigma^2)}{n-2}}} = rac{eta_0 - eta_0}{\sqrt{MSE\left(rac{1}{n} + rac{ar{x}^2}{S_-}
ight)}}$

 $Z_1 = \frac{\hat{\beta}_1 - \beta_1}{\sigma / \sqrt{S}} \sim \mathcal{N}(0, 1)$

3. 1 Khoảng tin cây cho hệ số hồi

 $\hat{Y} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x$

quy

(20)

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lương các l
- 2.3 Đô đo sư biến

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá tr quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β₁

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

Khoảng tin cây cho hệ số hồi quy

• Khoảng tin cây $100(1-\alpha)\%$ cho β_1 :

$$\hat{\beta}_1 - t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\frac{MSE}{S_{xx}}} \le \beta_1 \le \hat{\beta}_1 + t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\frac{MSE}{S_{xx}}}$$
 (21)

• Khoảng tin cây $100(1-\alpha)\%$ cho β_0 :

$$\hat{\beta}_0 - t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{MSE\left(\frac{1}{n} + \frac{\bar{x}^2}{S_{xx}}\right)} \le \beta_0 \le \hat{\beta}_0 + t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{MSE\left(\frac{1}{n} + \frac{\bar{x}^2}{S_{xx}}\right)}$$

$$\tag{22}$$

với

- $n = s\hat{0}$ căp giá tri quan trắc (x_i, y_i) ;
- $t_{1-\alpha/2}^{n-2}$ là phân vị mức $1-\alpha/2$ của biến ngẫu nhiên t(n-2).

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi qu
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- cho trung bình biến đáp ứng

- 4.2 Kiểm định giả 5. Phân tích

Khoảng tin cây cho trung bình biến đáp ứng

• Ta có

$$\frac{\hat{\mu}_{Y|x_0} - \mathbb{E}(\hat{\mu}_{Y|x_0})}{\sqrt{\mathbb{V}\textit{ar}(\hat{\mu}_{Y|x_0})}} = \frac{(\hat{\beta_0} + \hat{\beta_1}x_0) - (\beta_0 + \beta_1x_0)}{\sigma\sqrt{\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}}} \sim \mathcal{N}(0, 1)$$

• Vì $\hat{\mu}_{Y|x_0}$ độc lập với $SSE/\sigma^2 \sim \chi^2(n-2)$ nên

$$\frac{\hat{\mu}_{Y|x_0} - (\beta_0 + \beta_1 x_0)}{\sqrt{\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}} \sqrt{\frac{SSE}{n-2}}} = \frac{\hat{\mu}_{Y|x_0} - (\beta_0 + \beta_1 x_0)}{\sqrt{MSE\left[\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}\right]}} \sim t(n-2)$$
(23)

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.3 Đô đo sư biểi thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậ cho hệ số hồi quy
- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

3.2 Khoảng tin cây cho trung bình biến đáp ứng

• Cho trước giá tri x_0 , cần tìm khoảng tin cây cho $\mu_{Y|x_0} = \mathbb{E}(Y|x_0) = \beta_0 + \beta_1 x_0$, gọi là trung bình biến đáp ứng. Ước lượng của $\mu_{Y|x_0}$ từ đường thẳng hồi quy là

$$\hat{\mu}_{Y|x_0} = \hat{\beta_0} + \hat{\beta_1} x_0$$

 û_{Y|x0} có các tính chất sau

biến đáp ứng là

 $-\hat{\mu}_{Y|x_0} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_0$

- (1) $\hat{\mu}_{Y|x_0}$ tuân theo luật phân phối chuẩn.
- (2) Kỳ vọng và phương sai của $\hat{\mu}_{Y|x_0}$ lần lượt là

$$\mathbb{E}(\hat{\mu}_{Y|x_0}) = \beta_0 + \beta_1 x_0$$

$$\mathbb{V}ar(\hat{\mu}_{Y|x_0}) = \left[\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}\right] \sigma^2$$

Khoảng tin cây cho trung bình

• Khoảng tin cây $100(1-\alpha)\%$ cho trung bình

 $\hat{\mu}_{Y|x_0} - t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\textit{MSE}(\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{yy}})} \leq \mu_{Y|x_0} \leq \hat{\mu}_{Y|x_0} + t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\textit{MSE}\left[\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{yy}}\right]}$

- $t_{1-\alpha/2}^{n-2}$: phân vị mức $1-\alpha/2$ của biến ngẫu nhiên T tuân theo

phân phối Student với bâc tư do (n-2),

- MSE = SSE/(n-2): trung bình bình phương sai số.

biến đáp ứng

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

N.T. M. Ngoc

- tuyến tính đơn
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biế
- thiên của dữ liệu

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho Bo
- 5. Phân tích

thăng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.1 Mô hình hồi qu
- 2.2 Ước lượng các h
- 2.3 Đô đo sư biến

- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả

5. Phân tích

Dự đoán giá trị quan trắc mới

• Giả sử với giá tri x_0 , ta cần dư đoán giá tri quan trắc Y_0 trong tương lai tương ứng với x_0 bằng bao nhiêu. Từ mô hình hồi quy, ta có

$$\hat{Y}_0 = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_0 \tag{25}$$

 \hat{Y}_0 là một ước lương điểm của giá trị quan trắc mới Y_0 .

- Cần tìm khoảng tin cây cho Y_0 .
- Cho trước giá tri x₀, cần phân biệt rõ khoảng tin cậy giữa trung bình của biến ngẫu nhiên Y là $\mu_{Y|x_0}$ và khoảng tin cậy của giá trị quan trắc thực sư của Y tương ứng với x_0 .

Dư đoán giá tri quan trắc mới

• Đăt

$$\eta = Y_0 - \hat{Y}_0$$

Vì Y_0 và \hat{Y}_0 có phân phối chuẩn nên η có phân phối chuẩn với kỳ vong và phương sai là

$$\begin{split} \mathbb{E}(\eta) &= \mathbb{E}(Y_0) - \mathbb{E}(\hat{Y}_0) = 0 \\ \mathbb{V}ar(\eta) &= \mathbb{V}ar(Y_0) + \mathbb{V}ar(\hat{Y}_0) = \sigma^2 + \sigma^2 \left[\frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}} \right] \\ &= \left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}} \right] \sigma^2 \end{split}$$

Do đó,

$$\eta \sim \mathcal{N}\left(0, \left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}\right]\sigma^2\right)$$

XSTK

N.T. M. Ngoc

Khoảng tin cây

cho qiá tri kỳ vọng của y,

cho trước x₀

 $\hat{y} = \beta_0 + \beta_1 x_i$

Khoảng dư đoán cho một giá trị quan

trắc y, cho trước x₀

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

5. Phân tích thặng dư

Dư đoán giá tri quan trắc mới

Χ

Dự đoán giá trị quan trắc mới

N.T. M. Ngoc

XSTK

Và.

đươc

- 2.3 Đô đo sư biến

- 3.3 Dư đoán giá tri

• Nếu ta thay thế σ^2 bởi $\hat{\sigma}^2 = MSE = \frac{SSE}{n-2}$, thu

 $Z = \frac{\hat{Y}_0 - Y_0}{\sqrt{\sigma^2 \left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{\varsigma_{\cdots}}\right]}} \sim \mathcal{N}(0, 1)$

$$T = \frac{\hat{Y}_0 - Y_0}{\sqrt{MSE\left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_0)^2}{S_{xx}}\right]}} \sim t(n - 2) \quad (26)$$

N.T. M. Ngọc

- tuyến tính đơn
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới

- 5. Phân tích thặng dư
- **XSTK**

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới

5. Phân tích

Dư đoán giá trị quan trắc mới

• Khoảng tin cây $100(1-\alpha)\%$ cho giá tri dư báo mới Y_0 ứng với một giá tri x_0 cho trước là

$$\hat{Y}_{0} - t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\textit{MSE}\left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_{0})^{2}}{S_{xx}}\right]} \leq Y_{0} \leq \hat{Y}_{0} + t_{1-\alpha/2}^{n-2} \sqrt{\textit{MSE}\left[1 + \frac{1}{n} + \frac{(\bar{x} - x_{0})^{2}}{S_{xx}}\right]}$$
(27)

- $t_{1-\alpha/2}^{n-2}$ là phân vị mức $1-\alpha/2$ của t(n-2),
- $MSE = \frac{SSE}{2}$.

Ví du khác

Các cặp giá tri quan sát của mẫu 10 nhà hàng được tóm tắt trong bảng sau:

	Số lượng sinh viên	Doanh số bán theo quy
Nhà hàng	(1000 người)	(1000 USD)
i	x_i	yı
1	2	58
2	6	105
3	8	88
4	8	118
5	12	117
6	16	137
7	20	157
8	20	169
		149
9	22	202
10	26	

Tìm phương trình đường thẳng hồi quy (ước lương) biểu diễn mối liên hệ giữa doanh số Y theo số lương sinh viên X. Giải thích ý nghĩa của hê số góc. Sau đó, dư đoán doanh số bán theo quý của một nhà hàng được đặt gần một trương với 16 000 sinh viên?

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Ví du: dư đoán giá tri của quan sát mới

Trở lai ví du "mức chi phí R&D" của các công ty trước đó, giả sử ta quan tâm đến mức chi phí R&D là 350 triệu đồng thì doanh số tương ứng sẽ là bao nhiêu?

Ta có, $x_{n+1} = 350$, nên ta thay vào phương trình đường thẳng hồi quy tuyến tính mẫu ta được:

$$\hat{y}_{n+1} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_{n+1} = -4,9368 + 0,0416 * 350 = 9,6232.$$

Như vây, khi chi phí R&D ở mức 350 triêu đồng, doanh số được ước lương là khoảng 9,6232 tỷ đồng.

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.3 Đô đo sư biến
- Ước lương phương

- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0
- 5. Phân tích

 $\hat{v} = 60 + 5x$.

Như vậy, phương trình đường thẳng hồi quy biểu diễn mối liên hê

giữa doanh số bán theo quý Y theo số lương sinh viên X là

Gơi ý giải:

Dựa vào dữ liệu mẫu, ta tính:

•
$$\bar{x} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^{n} x_i = 14$$
; • $\bar{y} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^{n} y_i = 130$

•
$$\sum_{i=1}^{n} x_i y_i = 21040 \text{ và } \bullet \sum_{i=1}^{n} x_i^2 = 2528.$$

 $\hat{\beta}_0 = \bar{y} - \hat{\beta}_1 \bar{x} = 130 - 5 * 14 = 60$

•
$$\hat{\beta}_1 = \frac{\sum_{i=1}^n x_i y_i - n\bar{x}\bar{y}}{\sum_{i=1}^n x_i^2 - n(\bar{x})^2} = \dots = 5$$

N.T. M. Ngoc

- 2.1 Mô hình hồi quy

- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới

- 5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. Khoảng tin
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới

5. Phân tích

Gơi ý giải:

Với hệ số góc $\hat{\beta}_1 = 5 > 0$, có nghĩa là khi số sinh viên tăng lên, doanh số cũng tăng lên. Chúng ta có thể kết luân rằng, sư gia tăng số lương sinh viên thêm 1 đơn vi (1000 người) sẽ tương ứng với sư gia tăng doanh số kỳ vong là 5 000 đô la.

Ví du khác

Xét mẫu ngẫu nhiên gồm 10 cặp giá tri (x_i, y_i) cho bởi bảng

Х	-1	0	2	-2	5	6	8	11	12	-3
У	-5	-4	2	-7	6	9	13	21	20	-9

- (a) Vẽ biểu đồ phân tán cho dữ liêu, tìm đường thẳng hồi quy.
- (b) Tìm ước lương $\hat{\sigma}^2$ cho phương sai σ^2 của sai số ngẫu nhiên.
- (c) Thiết lập khoảng tin cây 95% cho các hệ số β_0 và β_1 .
- (d) Thiết lập khoảng dư đoán 95% tại x = 5.

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu
- Ước lượng phương

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy 3.2 Khoảng tin cậy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Gơi ý giải:

Với hệ số góc $\hat{\beta}_1 = 5 > 0$, có nghĩa là khi số sinh viên tăng lên, doanh số cũng tăng lên. Chúng ta có thể kết luân rằng, sư gia tăng số lương sinh viên thêm 1000 người (1 đơn vi) sẽ tương ứng với sư gia tăng doanh số kỳ vong là 5 000 đô la.

Chúng ta muốn dư đoán doanh số bán theo quý cho một nhà hàng được đặt gần trường với 16 000 sinh viên, chúng ta tính toán: Ta có, $x_{n+1} = 16$, nên ta thay vào phương trình đường thẳng hồi quy tuyến tính (ước lương) vừa tìm ta được:

$$\hat{y}_{n+1} = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 x_{n+1} = 60 + 5x_{n+1} = 60 + 5 * 16 = 140$$

Như vậy, chúng ta dư đoán doanh số bán theo quý cho một nhà hàng được đặt gần trường với 16 000 sinh viên là 140 000 đô la.

Kiểm định giả thuyết cho β_0

• Bài toán kiểm đinh giả thuyết cho hệ số chăn β_0 trong mô hình hồi

(a) $\begin{cases} H_0 : \beta_0 = b_0 \\ H_1 : \beta_0 \neq b_0 \end{cases}$ (b) $\begin{cases} H_0 : \beta_0 = b_0 \\ H_1 : \beta_0 < b_0 \end{cases}$ (c) $\begin{cases} H_0 : \beta_0 = b_0 \\ H_1 : \beta_0 > b_0 \end{cases}$

với giá tri b_0 và mức ý nghĩa α cho trước. Thông thường $b_0 = 0$.

quy tuyến tính đơn gồm các trường hợp sau:

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho Bo
- 5. Phân tích

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- 4.2 Kiểm định giả

5. Phân tích

Kiểm đinh giả thuyết cho β_0

Các bước kiểm đinh

- **1** Phát biểu giả thuyết H_0 và đối thuyết,
- 2 Xác định mức ý nghĩa α ,
- 3 Tính giá tri thống kê kiếm đinh:

$$t_{eta_0} = rac{\hat{eta}_0 - b_0}{\sqrt{ extit{MSE}\left(rac{1}{n} + rac{ar{x}^2}{ar{S}_{ ext{xx}}}
ight)}}$$

Kiểm định giả thuyết cho β_1

• Bài toán kiểm đinh giả thuyết cho hệ số góc β_1 trong mô hình hồi quy tuyến tính đơn gồm các trường hợp sau:

(a)
$$\begin{cases} H_0: \beta_1 = b_1 \\ H_1: \beta_1 \neq b_1 \end{cases}$$
 (b) $\begin{cases} H_0: \beta_1 = b_1 \\ H_1: \beta_1 < b_1 \end{cases}$ (c) $\begin{cases} H_0: \beta_1 = b_1 \\ H_1: \beta_1 > b_1 \end{cases}$

với giá tri b_1 và mức ý nghĩa α cho trước. Thông thường $b_1 = 0$.

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả

Kiểm định giả thuyết cho β_0

4. Xác định miền bác bỏ

Đối thuyết	Miền bác bỏ	ρ - giá trị
$H_1: \beta_0 \neq b_0$	$ t_{eta_0} >t_{1-lpha/2}^{n-2}$	$p=2\mathbb{P}(T_{n-2}\geq t_{\beta_0} $
$H_1: \beta_0 < b_0$	$t_{\beta_0}<-t_{1-\alpha}^{n-2}$	$ ho = \mathbb{P}(T_{n-2} \leq t_{eta_0})$
$H_1:\beta_0>b_0$	$t_{\beta_0} > t_{1-\alpha}^{n-2}$	$p=\mathbb{P}(T_{n-2}\geq t_{eta_0})$

Kiểm định giả thuyết cho β_1

Các bước kiểm đinh

 $t_{eta_1} = rac{\hat{eta}_1 - b_1}{\sqrt{rac{ extit{MSE}}{S_{ extit{YV}}}}}$

 \bullet Phát biểu giả thuyết H_0 và đối thuyết,

2 Xác định mức ý nghĩa α ,

3 Tính thống kê kiểm đinh:

5. Kết luân: Bác bỏ H_0 /Chưa đủ cơ sở để bác bỏ H_0 .

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- 2.1 Mô hình hồi quy
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả
- 5. Phân tích

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- đáp ứng
- 4. Kiểm định
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Kiểm định giả thuyết cho β_1

4. Xác định miền bác bỏ

Đối thuyết	Miền bác bỏ	<i>ρ</i> - giá trị
$H_1: \beta_1 \neq b_1$	$ t_{\beta_1} >t_{1-\alpha/2}^{n-2}$	$\rho=2\mathbb{P}(T_{n-2}\geq t_{\beta_1})$
$H_1: \beta_1 < b_1$	$t_{\beta_1}<-t_{1-\alpha}^{n-2}$	$p=\mathbb{P}(\mathit{T}_{n-2}\leq t_{\beta_1})$
$H_1: \beta_1 > b_1$	$t_{\beta_1} > t_{1-\alpha}^{n-2}$	$p=\mathbb{P}(\mathit{T}_{n-2}\geq t_{\beta_1})$

5. Kết luân: Bác bỏ H_0 /Chưa đủ cơ sở để bác bỏ H_0 .

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy cho trung bình biến đáp ứng

5. Phân tích

Phân tích thăng dư

- Với *n* cặp quan trắc (x_i, y_i) , gọi $e_i = y_i \hat{y}_i$ là thặng dư thứ *i*. Để kiểm tra các giả đinh của mô hình có thỏa hay không, nhân xét trên đồ thi của các giá tri thăng dư.
- Nếu các giả đinh của mô hình hồi quy thỏa, thì:
 - Đồ thi của các giá tri thăng dư tương ứng với các giá tri biến độc lập X phải có hình dang thô, không đều (roughly), trải doc theo chiều ngang và đối xứng qua truc Ox.
 - Đồ thi xác suất chuẩn (Normal Probability plot) của các giá tri thăng dư phải có dang gần tuyến tính (roughly linear).

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy 3.2 Khoảng tin cậy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Phân tích thăng dư

Phân tích thăng dư

- Phân tích thăng dư (Analysis of Residuals) được sử dụng để kiểm tra các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính.
- Các giả đinh của mô hình:

• Đồ thi thăng dư:

- 1 Đường thẳng hồi quy tổng thể: $Y = \beta_0 + \beta_1 x + Varepsilon$ với β_0 và β_1 là các hằng số sao cho với mỗi giá tri x, $\mathbb{E}(Y|x) = \beta_0 + \beta_1 x.$
- 2 Phương sai bằng nhau: phương sai của biến đáp ứng (biến phu thuộc) Y bằng nhau với moi giá tri của biến độc lập X, tức là $Var(Y|x) = \sigma^2$.
- 3 Phân phối chuẩn: với mỗi giá trị của biến độc lập, phân phối có điều kiên (cho trước giá tri x) của biến đáp ứng là phân phối chuẩn, $Y|x \sim \mathcal{N}(\beta_0 + \beta_1 x, \sigma^2)$.
- 4 Đôc lập: các quan trắc của biến đáp ứng Y độc lập với nhau.

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngoc

- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- thuyết cho β_0

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng
- 4. Kiểm định
- thuyết cho β_0
- 5. Phân tích

thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

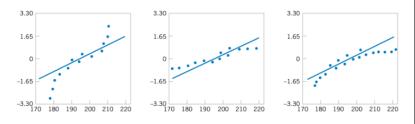
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả

5. Phân tích

Phân tích thăng dư

• Đồ thi phân vi chuẩn (Q-Q plot):



Phân tích tương quan

Hê số tương quan (Correlation coefficient) của hai biến ngẫu nhiên X và Y, ký hiệu ρ_{XY} , được xác định như sau

$$\rho_{XY} = \frac{Cov(X, Y)}{\sqrt{Var(X)\mathbb{V}ar(Y)}}$$
(29)

Với hai biến ng \tilde{a} u nhiên X và Y bất kỳ

$$-1 \le \rho_{XY} \le 1$$

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Phân tích tương quan

Phân tích tương quan

(30)

• Phân tích tương quan (Correlation Analysis) dùng để đo đô manh của mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến ngẫu nhiên.

Xét hai biến ngẫu nhiên X, Y. Hiệp phương sai (Covariance) của Xvà Y, ký hiệu là Cov(X, Y), được định nghĩa như sau

$$Cov(X, Y) = \mathbb{E}\left[(X - \mathbb{E}(X))(Y - \mathbb{E}(Y))\right] = \mathbb{E}(XY) - \mathbb{E}(X)\mathbb{E}(Y)$$
(28)

Với mẫu ngẫu nhiên cỡ n: (X_i, Y_i) , i = 1, ..., n. Hê số tương quan

 $r_{XY} = \frac{\sum_{i=1}^{n} (X_i - \bar{X})(Y_i - \bar{Y})}{\sqrt{\sum_{i=1}^{n} (X_i - \bar{X})^2 \sum_{i=1}^{n} (Y_i - \bar{Y})^2}} = \frac{S_{XY}}{\sqrt{S_{XX}SST}}$

mẫu, ký hiệu r_{XY} , được xác định như sau

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy
- 2.3 Đô đo sư biến

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả
- thuyết cho β_0

N.T. M. Ngọc

- 2.3 Đô đo sư biến
- thiên của dữ liệu

Phân tích tương quan

Chú ý rằng:

$$\hat{\beta}_1 = \sqrt{\frac{SST}{S_{XX}}} r_{XY}$$

suy ra,

$$r_{XY}^2 = \hat{\beta}_1^2 \frac{S_{XX}}{SST} = \hat{\beta}_1 \frac{S_{XY}}{SST} = \frac{SSR}{SST}$$

• Hê số xác đinh, R², của mô hình hồi quy tuyến tính đơn bằng với bình phương của hệ số tương quan mẫu $R^2 = r_{XY}^2$

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.3 Đô đo sư biế

- 3.3 Dự đoán giá t quan trắc mới

Đánh giá hệ số tương quan

- Miền giá tri: $-1 < r_{XY} < 1$.
- $-1 \le r_{XY} < 0$: tương quan âm. r_{XY} càng gần -1 biểu thi mối liên hệ tuyến tính nghịch giữa X và Y càng manh.
- $0 < r_{XY} \le 1$: tương quan dương. r_{XY} càng gần 1 biểu thi mối liên hệ tuyến tính thuận giữa X và Y càng manh.
- r_{XY} càng gần 0, biểu thi mối liên hê tuyến tính yếu. $r_{XY} = 0$: không có mối liên hệ tuyến tính giữa X và Y.

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Đánh giá hiệp phương sai

- Cov(X, Y) > 0: X và Y có xu hướng thay đổi cùng chiều.
- Cov(X, Y) < 0: X và Y có xu hướng thay đổi ngược chiều.
- Cov(X, Y) = 0: X và Y độc lập (tuyến tính).

Đánh giá hệ số tương quan

r = 0

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lương các l

- cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá tr quan trắc mới

r = +1

- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giá thuyết cho β_1 5. Phân tích

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- thuyết cho β_0

Kiểm định giả thuyết cho hê số tương quan

• Ta cần kiểm đinh giả thuyết H_0 : không có mối liên hệ tuyến tính giữa X và Y

$$H_0: \rho = 0$$

Thống kê kiểm đinh

$$T = r_{XY} \sqrt{\frac{n-2}{1 - r_{XY}^2}} \tag{31}$$

có phân phối Student với n-2 bâc tư do.

5. Phân tích thặng dư

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.1 Mô hình hồi qu
- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biến thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậ cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng

- 4.2 Kiểm định giả

5. Phân tích

Kiểm định giả thuyết cho hê số tương quan

Các bước kiểm đinh

- **1** Phát biểu giả thuyết H_0 và đối thuyết,
- 2 Xác định mức ý nghĩa α ,
- 3 Tính thống kê kiểm đinh:

$$T = r_{XY} \sqrt{\frac{n-2}{1-r_{XY}^2}}$$

T có phân phối Student với n-2 bậc tự do.

XSTK

N.T. M. Ngọc

- 2.2 Ước lượng các hệ
- 2.3 Đô đo sư biểi thiên của dữ liệu

- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Kiểm đinh giả thuyết cho hê số tương quan

• Bài toán kiểm đinh giả thuyết cho hệ số tương quan gồm các trường hợp sau:

(a)
$$\begin{cases} H_0: \rho = 0 \\ H_1: \rho \neq 0 \end{cases}$$

(a)
$$\begin{cases} H_0: \rho = 0 \\ H_1: \rho \neq 0 \end{cases}$$
 (b)
$$\begin{cases} H_0: \rho = 0 \\ H_1: \rho < 0 \end{cases}$$
 (c)
$$\begin{cases} H_0: \rho = 0 \\ H_1: \rho > 0 \end{cases}$$

Kiểm đinh giả thuyết cho hê số

$$(c) \begin{cases} H_0: \rho = 0 \\ H_1: \rho > 0 \end{cases}$$

tương quan

Miền bác bỏ p - giá trị

 $|t| > t_{1-\alpha/2}^{n-2}$ $p = 2\mathbb{P}(T_{n-2} \ge |t|)$

 $t < -t_{1-\alpha}^{n-2}$ $p = \mathbb{P}(T_{n-2} \leq t)$

 $t > t_{1-\alpha}^{n-2}$ $p = \mathbb{P}(T_{n-2} \geq t)$

với mức ý nghĩa α cho trước.

4. Xác định miền bác bỏ

 $H_1: \rho \neq 0$

 $H_1: \rho < 0$

5. Kết luân: Bác bỏ H_0 /Chưa đủ cơ sở để bác bỏ H_0 .

Đối thuyết

 $H_1: \rho > 0$

5. Phân tích thặng dư

XSTK

- 2.1 Mô hình hồi quy

- cho trung bình biến đáp ứng 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4.1 Kiểm định giả thuyết cho β_0
- 5. Phân tích

N.T. M. Ngọc

- 1 Giới thiêi
- 2. Mô hình hồi quy tuyế tính đơn
- 2.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn
- 2.2 Ước lượng các hệ số hồi quy
- 2.3 Độ đo sự biến thiên của dữ liệu
- 2.4 Hệ số xác định
- Uớc lượng phương sai σ^2 của sai số
- 2.5 Tính chất của các ước lương BPB
- 3. Khoảng tin cậy cho mô hình hồi quy
- 3. 1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy
- 3.2 Khoảng tin cậy cho trung bình biến đáp ứng
- 3.3 Dự đoán giá trị quan trắc mới
- 4. Kiểm định giả thuyết cho mô hình hồi quy
- $4.1~{
 m Kiểm}~{
 m dịnh}~{
 m giả}$ thuyết cho eta_0
- 4.2 Kiểm định giả thuyết cho β_1

Phân tích thặng dư

6.Tương quan

7. Mô hình hỗi quy tuyến tính bội

Ví dụ

Điểm thi giữa kỳ (x) và cuối kỳ (y) của một lớp có 9 sinh viên là như sau:

- a Ước lượng đường hồi quy tuyến tính.
- **b** Ước lượng điểm bài thi cuối kỳ của một sinh viên có điểm giữa kỳ là 85.
- $\textbf{C} \quad \text{Tinh } \hat{\sigma}^2 = s^2$
- d Xây dựng khoảng tin cậy 95% cho β_0
- ullet Xây dựng khoảng tin cậy 95% cho eta_1
- § Sử dụng giá trị s^2 đã tìm được ở câu (c), hãy xây dựng khoảng tin cậy 95% cho $\mu_{Y|85}$.